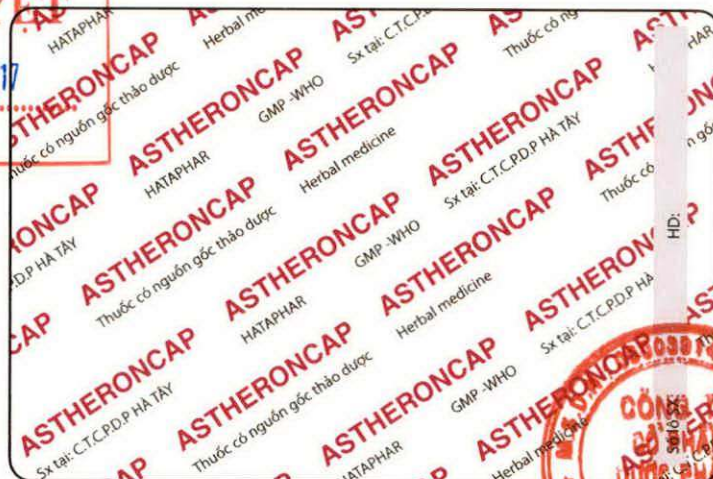


BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 22-06-2017



ASTHERONCAP

Để xa tầm tay trẻ em.

Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng/

Keep out of reach of children.

Carefully read the accompanying instructions before use.

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng
Box of 3 blisters of 10 capsules

ASTHERONCAP

Thuốc có nguồn gốc thảo dược
Herbal medicine



Sản xuất tại/ Manufactured by:

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C

Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Hà Nội

Population groups No. 4 - La Khe - Ha Dong - Ha Noi

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng và các thông tin khác / Indication, Contraindication, Administration - Dosage and other information : Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/See the package insert inside.

SĐK (Reg. No):

Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang cứng chứa/ Each capsule contains:

416mg cao khô hỗn hợp được liêu tương ứng với:

Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>).....	1,0g
Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>).....	0,67g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>).....	0,67g
Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>).....	0,67g
Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>).....	0,67g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>).....	0,67g
Tân giao (<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>).....	0,67g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>).....	0,67g
Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>).....	0,67g
Can địa hoàng (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>).....	0,67g
Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>).....	0,67g
Nhân sâm (<i>Radix Ginseng</i>).....	0,67g
Ngưu tất (<i>Radix Achysanthis bidentatae</i>).....	0,67g
Phục linh (<i>Poria</i>).....	0,67g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>).....	0,67g
Tã được vừa đủ.....	1 viên

Bảo quản/ storage:

Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/
Store in a dry place, below 30°C

Tiêu chuẩn/Specification:

TCCS/Manufacturer's.

Số lô SX (Lot. No):

Ngày SX (Mfg. Date):

HD (Exp. Date):

ASTHERONCAP

Thuốc có nguồn gốc thảo dược

Herbal medicine

ASTHERONCAP

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ



1. Tên thuốc: ASTHERONCAP

2. Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:

416mg cao khô hỗn hợp dược liệu

tương ứng với:

Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>)	1,0g
Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>)	0,67g
Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>)	0,67g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	0,67g
Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>)	0,67g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	0,67g
Tần giao (<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>)	0,67g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>)	0,67g
Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>)	0,67g
Can địa hoàng (<i>Radix Rhemanniae glutinosae</i>)	0,67g
Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>)	0,67g
Nhân sâm (<i>Radix Ginseng</i>)	0,67g
Ngưu tất (<i>Radix Achysanthi bidentatae</i>)	0,67g
Phục linh (<i>Poria</i>)	0,67g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	0,67g
Tá dược vừa đủ	1 viên

(Tá dược gồm: Magnesi stearat, bột talc, colloidal anhydrous silica, microcrystalline cellulose).

3. Dạng bào chế: Viên nang cứng

4. Tác dụng: Bổ can - thận, khu phong, tán hàn, trừ thấp.

5. Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng. Kèm theo đơn hướng dẫn sử dụng thuốc

6. Chỉ định, liều dùng, cách dùng và chống chỉ định:

6.1. Chỉ định: Dùng điều trị thấp khớp, đau nhức các khớp xương, đau mình mẩy, chân tay tê dại, đau lưng - mỏi gối.

6.2. Liều lượng và cách dùng:

Uống mỗi lần 4 viên x 3 lần/ngày.

Đợt dùng 2-3 tháng.

6.3. Chống chỉ định:

Mẫn cảm với thuốc, người tỳ vị hư hàn, ỉa chảy.

Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật do sốt cao.

7. Thận trọng:

Người bệnh bị viêm loét dạ dày đang chảy máu.

Thuốc này có chứa lactose. Các bệnh nhân có vấn đề dung nạp galactose di truyền (hiếm gặp), thiếu hụt men Lapp-lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú:** Thuốc không dùng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú dùng thuốc khi có sự chỉ dẫn thật cụ thể của thầy thuốc.

- **Tác động của thuốc khi lái xe hoặc vận hành máy móc:** Thuốc không gây buồn ngủ nên dùng cho người khi lái xe hoặc đang vận hành máy móc.

8. Tương tác thuốc:

Khi uống thuốc kiêng kị các chất cay, nóng

9. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Chưa có tài liệu báo cáo.

10. Quá liều và cách xử trí:

Chưa có tài liệu báo cáo.

11. Khuyến cáo:

Chưa có tài liệu báo cáo.

12. Điều kiện bảo quản và hạn dùng:

- **Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- **Hạn dùng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.**

* *Lưu ý:* Khi thấy thuốc bị mốc, số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

13. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội

Số điện thoại: 04.33824685, 04.33522203; **Số fax:** 04.33829054, 04.33522203

Biểu tượng:



14. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

Ngày tháng năm



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH



1. Tên thuốc: ASTHERONCAP

2. Khuyến cáo:

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

“Đề xa tầm tay trẻ em”

“Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”

3. Thành phần, hàm lượng: Mỗi viên nang cứng chứa:

416mg cao khô hỗn hợp dược liệu

tương ứng với:

Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>)	1,0g
Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>)	0,67g
Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>)	0,67g
Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>)	0,67g
Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>)	0,67g
Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>)	0,67g
Tần giao (<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>)	0,67g
Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>)	0,67g
Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>)	0,67g
Can địa hoàng (<i>Radix Rhemanniae glutinosae</i>)	0,67g
Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>)	0,67g
Nhân sâm (<i>Radix Ginseng</i>)	0,67g
Ngưu tất (<i>Radix Achysanthis bidentatae</i>)	0,67g
Phục linh (<i>Poria</i>)	0,67g
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	0,67g
Tá dược vừa đủ	1 viên

(Tá dược gồm: Magnesi stearat, bột talc, colloidal anhydrous silica, microcrystalline cellulose).

4. Mô tả sản phẩm: Viên nang cứng số 0, nắp màu xanh, thân nang màu trắng, bên trong chứa bột thuốc màu nâu nhạt, mùi thơm dược liệu, vị hơi đắng. Nang sạch bóng, không nứt vỡ, không móp méo.

5. Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

6. Thuốc dùng cho bệnh gì? Dùng điều trị thấp khớp, đau nhức các khớp xương, đau mình mẩy, chân tay tê dại, đau lưng - mỏi gối.

7. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

Uống mỗi lần 4 viên x 3 lần/ngày.

Đợt dùng 2-3 tháng.

8. Khi nào không nên dùng thuốc này?

Mẫn cảm với thuốc, người tỳ vị hư hàn, ỉa chảy.

Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật do sốt cao.

9. Tác dụng không mong muốn:

Không có.

10. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

Hiện nay chưa có tương tác nào xảy ra với các thuốc khác.

11. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?

Bỏ sung liều ngay khi nhớ ra. Tuy nhiên, nếu thời gian giãn cách với liều tiếp theo quá ngắn thì bỏ qua liều đã quên và tiếp tục lịch dùng thuốc. Không dùng liều gấp đôi để bù cho liều đã bị bỏ lỡ.

12. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

Giữ thuốc trong hộp kín, ngoài tầm với của trẻ em.

Bảo quản thuốc ở nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

Tránh nguồn nhiệt và ánh sáng trực tiếp.

13. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều?

Không có tài liệu báo cáo.

14. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo?

Chưa có tài liệu báo cáo.

15. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này?

Người bệnh bị viêm loét dạ dày đang chảy máu.

Thuốc này có chứa lactose. Các bệnh nhân có vấn đề dung nạp galactose di truyền (hiếm gặp), thiếu hụt men Lapp-lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú:** Thuốc không dùng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú dùng thuốc khi có sự chỉ dẫn thật cụ thể của thầy thuốc.

- **Tác động của thuốc khi lái xe hoặc vận hành máy móc:** Thuốc không gây buồn ngủ nên dùng cho người khi lái xe hoặc đang vận hành máy móc.

8. Tương tác thuốc:

Khi uống thuốc kiêng kị các chất cay, nóng

16. Khi nào cần tham vấn bác sỹ, dược sỹ?

Có thể có các tác dụng phụ không được đề cập. Khi bạn có bất kỳ thắc mắc nào về các tác dụng phụ, hãy tham khảo ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

17. Hạn dùng của thuốc:

- Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.**

* **Lưu ý:** Khi thấy thuốc bị mốc, số lô SX, HD mờ.... hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

18. Tên, địa chỉ, biểu tượng của nhà sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội

Số điện thoại: 04.33824685, 04.33522203; **Số fax:** 04.33829054, 04.33522203

Biểu tượng:



19. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

Ngày tháng năm

